**ÔN TẬP LỊCH SỬ 9**

**Câu 1.**

Nguyên nhân bùng nổ của phong trào Cần vương cuối thế kỉ XIX. Hãy giới thiệu về một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần vương. nêu nhận xét của em về phong trào Cần vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Theo em, cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương? Vì sao?

 **Câu 2.**

Cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế có điểm gì giống và khác so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương? Từ sự thất bại của phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế, có thể rút ra bài học gì cho công cuộc đấu tranh giành độc lập sau đó, cũng như công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

**Câu 3**.

 Phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX ở Việt Nam:

 a. Nêu hoàn cảnh lịch sử dẫn đến phong trào.

 b. Trình bày hiểu biết của em về phong trào Đông du và cuộc vận động Duy tân.

 c. Nhận xét về phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX.

**Câu 4.**

 Quá trình mở rộng tổ chức ASEAN diễn ra như thế nào? Ý nghĩa của việc mở rộng tổ chức đó? Làm rõ những thuận lợi và khó khăn khi Việt Nam gia nhập ASEAN.

**Câu 5.**

 Chứng minh rằng: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất và theo đuổi mưu đồ bá chủ thế giới, nhưng Mĩ cũng vấp phải nhiều thất bại nặng nề.

 Quan hệ giữa Mĩ và Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay có những chuyển biến tích cực nào?

**Câu 6.**

 “Trải qua nửa thế kỉ, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã đạt được những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu trên tất cả các lĩnh vực”

*(Trích SGK Lịch sử lớp 9, trang 48, NXB Giáo dục Việt Nam năm 2005)*

1. Bằng kiến thức lịch sử thế giới đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.
2. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật có tác động như thế nào đến Việt Nam?

**ĐÁP ÁN**

Câu 1.

+ Với Hiệp ước Pa-tơ-nốt, thực dân Pháp đã cơ bản hoàn thành quá trình xâm lược Việt Nam. Tuy nhiên, nhân dân Việt Nam và phái chủ chiến trong triều đình vẫn nêu cao ý chí giành lại độc lập dân tộc.

+ Sau thất bại trong cuộc phản công tại Kinh thành Huế của phái chủ chiến (5/7/1885), Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra Tân Sở (Quảng Trị).

+ Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết thay mặt vua ban dụ Cần vương, kêu gọi toàn dân khởi nghĩa giúp vua cứu nước => Phong trào Cần vương bùng nổ, kéo dài đến cuối thế kỉ XIX.

**\* Khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887)**

**\* Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892)**

**\* Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896)**

*- Thời gian diễn ra:* 1885 - 1896

*- Lãnh đạo:* Phan Đình Phùng, Cao Thắng,…

- *Địa bàn hoạt động:* Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình

*- Diễn biến chính:*

*+*1885 - 1888, hoạt động chính của nghĩa quân là xây dựng lực lượng và căn cứ chiến đấu.

+ 1888 - 1896, nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt, đã đẩy lui nhiều cuộc hành quân càn quét của địch.

*- Kết quả:*sau khi chủ tướng Phan Đình Phùng mất, khởi nghĩa suy yếu dần rồi tan rã.

**- Nhận xét:** phong trào Cần vương diễn ra sôi nổi với hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ nổ ra trên phạm vi rộng lớn, nhất là ở Bắc Kì và Trung Kì.

**\* Cuộc khởi nghĩa Hương Khê tiêu biểu nhất trong phong trào Cần vương. Vì:**

+ Khởi nghĩa Hương Khê có thời gian tồn tại lâu nhất (hơn 10 năm, từ 1885 - 1896) so với các cuộc khởi nghĩa khác trong phong trào Cần vương.

+ Khởi nghĩa Hương Khê diễn ra trên địa bàn rộng lớn nhất, khắp 4 tỉnh Bắc Trung Kì (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

+ Trình độ tổ chức lực lượng của khởi nghĩa Hương Khê rất quy củ: nghĩa quân được chia làm 15 thứ quân, phối hợp khá chặt chẽ,...

+ Vũ khí chiến đấu của nghĩa quân Hương Khê có sự tiến bộ hơn. Bên cạnh các loại vũ khí thô sơ như: giáo mác, đại đao,... tướng Cao Thắng còn tổ chức cướp súng giặc, rồi nghiên cứu, chế tạo súng trường theo kiểu Pháp trang bị cho nghĩa quân.

+ Nghĩa quân Hương Khê có phương thức tác chiến linh hoạt, sáng tạo.

+ Nghĩa quân Hương Khê đẩy lui nhiều đợt tấn công của thực dân Pháp, gây cho Pháp nhiều tổn thất.

**Câu 2.**

**- Điểm giống nhau:**

***+ Bối cảnh lịch sử:*** đất nước mất độc lập, nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt ra cấp thiết.

***+ Khuynh hướng chính trị:*** là các cuộc đấu tranh yêu nước theo khuynh hướng phong kiến.

+ ***Mục tiêu cao nhất:***đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

+ ***Lực lượng tham gia:*** đông đảo các tầng lớp nhân dân, động lực chính là nông dân.

+ ***Hình thức:*** Khởi nghĩa vũ trang.

+ ***Phương thức gây dựng căn cứ:*** dựa vào địa hình để xây dựng căn cứ chiến đấu.

+ ***Kết quả:*** thất bại

+ ***Ý nghĩa:***làm tiêu hao một bộ phận quân Pháp; góp phần làm chậm quá trình bình định Việt Nam của Pháp; để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho các phong trào đấu tranh yêu nước sau này.

**- Điểm khác nhau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phong trào Cần vương****(1885 - 1896)** | **Khởi nghĩa Yên Thế****(1884 - 1914)** |
| Tư tưởng | Chịu sự chi phối của chiếu Cần vương (ban ra ngày 13/7/1885). | Không chịu sự chi phối của chiếu Cần vương |
| Phương hướng đấu tranh | Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, khôi phục lại chế độ phong kiến chuyên chế. | Chống lại chính sách cướp bóc, bình định quân sự của Pháp, bảo vệ quê hương,… => chưa đưa ra phương hướng đấu tranh rõ ràng. |
| Lực lượnglãnh đạo | Các văn thân, sĩ phu yêu nước chủ động đứng lên dựng cờ khởi nghĩa theo tiếng gọi Cần vương. | Các thủ lĩnh nông dân có uy tín, được nghĩa quân bầu lên. |
| Phạm vi,quy mô | Diễn ra trên phạm vi rộng lớn, nhất là ở Bắc Bì và Trung Kì; kéo dài 11 năm (1885 - 1896). | Diễn ra chủ yếu tại địa bàn huyện Yên Thế (Bắc Giang); kéo dài 30 năm (1884 - 1913). |

- Một số bài học kinh nhiệm có thể rút ra từ sự thất bại của phong trào Cần vương và khởi nghĩa Yên Thế:

+ Tập hợp, đoàn kết các cuộc đấu tranh thành một phong trào chung, rộng lớn và thống nhất trong cả nước.

+ Kết hợp nhiều hình thức, phương pháp đấu tranh.

+ Tận dụng yếu tố thuận lợi về địa hình để xây dựng căn cứ hoặc tổ chức chiến đấu.

+ Phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh đoàn kết của các tầng lớn nhân dân,….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 3** | **Hoàn cảnh lịch sử dẫn đến phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX. Hiểu biết về phong trào Đông du và cuộc vận động Duy tân. Nhận xét về phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX.** | **5 điểm** |
| ***Hoàn cảnh dẫn đến phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX*** |  |
| - Cuối thế kỉ XIX, phong trào yêu nước do giai cấp phong kiến lãnh đạo, tiêu biểu là phong trào Cần Vương thất bại hoàn toàn. Yêu cầu lịch sử đặt ra là cần có một phong trào theo xu hướng cứu nước mới. | 0,25 |
| - Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam phân hóa sâu sắc, các giai cấp, tầng lớp mới hình thành. Đây sẽ là lực lượng xã hội tiếp nhận những tư tưởng mới, khởi xướng các phong trào đấu tranh đi theo những xu hướng mới. | 0,25 |
| - Đầu thế kỉ XX, tư tưởng dân chủ tư sản ở châu Âu được truyền bá vào Việt Nam, Nhật Bản trở thành nước tư bản giàu mạnh đã kích thích nhiều người Việt Nam yêu nước muốn tìm con đường cứu nước mới. | 0,25 |
| - Xuất phát từ lòng yêu nước và những nhận thức mới, những sĩ phu yêu nước tiến bộ đã tiến hành cuộc vận động cứu nước theo xu hướng dân chủ tư sản.  | 0,25 |
| ***Hiểu biết về phong trào Đông du***  |  |
| - Diễn ra vào đầu thế kỷ XX, lãnh đạo là Phan Bội Châu. | 0,25 |
| - Mục tiêu: Đánh Pháp giành độc lập, lập ra một nước Việt Nam độc lập, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa. | 0,25 |
| - Chủ trương: Dựa vào Nhật để bạo động vũ trang đánh Pháp. | 0,25 |
| - Hoạt động: Năm 1904, thành lập hội Duy tân. Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật cầu viện nhờ Nhật giúp khí giới, tiền bạc để đánh Pháp. Hội Duy tân tích cực phát động các thành viên tham gia phong trào Đông du. | 0,25 |
| - Kết quả: Tháng 9/1908, Pháp cấu kết với Nhật yêu cầu nhà cầm quyền Nhật trục xuất những người Việt Nam yêu nước ra khỏi nước Nhật. Tháng 3/1909, phong trào Đông du tan rã, hội Duy tân ngừng hoạt động. | 0,25 |
| ***Hiểu biết về cuộc vận động Duy tân*** |  |
| - Diễn ra sôi nổi vào đầu thế kỷ XX ở Trung kỳ. Lãnh đạo phong trào là Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng… | 0,25 |
| - Mục tiêu: Chống phong kiến, cải cách văn hóa, xã hội, nâng cao dân trí, dân quyền nhằm nâng cao lòng yêu nước, tuyên truyền nội dung học tập mới và nếp sống mới mang màu sắc dân chủ.  | 0,25 |
| - Hoạt động: Mở trường học, diễn thuyết các đề tài sinh hoạt xã hội, tình hình thế giới; tuyên truyền đả phá các hủ tục phong kiến lạc hậu; cổ động mở mang công thương nghiệp… | 0,25 |
| - Năm 1908, dưới ảnh hưởng trực tiếp của phong trào Duy tân, phong trào chống phu, chống sưu thuế diễn ra ở Quảng Nam, Quảng Ngãi và lan ra cả Trung kì. | 0,25 |
| ***Nhận xét về phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX*** |  |
| - Mục tiêu chung: Giành độc lập dân tộc, đưa đất nước phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.  | 0,25 |
| - Lãnh đạo: Sĩ phu yêu nước tiến bộ chịu ảnh hưởng của khuynh hướng dân chủ tư sản.  | 0,25 |
| - Lực lượng tham gia: Nông dân, công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc… | 0,25 |
| - Phương thức đấu tranh phong phú như: lập hội Duy tân, lập hội yêu nước, vận động giúp đỡ từ bên ngoài, tiến hành cải cách sâu rộng, đấu tranh vũ trang. | 0,25 |
| - Tổ chức: Bước đầu thành lập tổ chức chính trị sơ khai như Hội Duy tân. | 0,25 |
| - Kết quả: Dấy lên một phong trào yêu nước rộng lớn tuy nhiên các phong trào cuối cùng đều thất bại. | 0,25 |
| - Nguyên nhân thất bại: Do thiếu giai cấp lãnh đạo tiên tiến; chưa có đường lối cách mạng đúng đắn, chưa nhận thức đúng kẻ thù cách mạng… | 0,25 |
| **Câu 4** | **Quá trình mở rộng tổ chức ASEAN. Ý nghĩa của việc mở rộng tổ chức. Làm rõ những thuận lợi và khó khăn khi Việt Nam gia nhập ASEAN.** | **5 điểm** |
|  ***Quá trình mở rộng ASEAN*** |  |
| - Năm 1967, tổ chức ASEAN được thành lập với sự tham gia của 5 nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po, Thái Lan. | 0,25 |
| - Năm 1984, sau khi giành được độc lập, Bru-nây gia nhập và trở thành thành viên thứ 6 của ASEAN. | 0, 25 |
| - Tháng 7/1995, Việt Nam trở thành thành viên thứ 7 của ASEAN.  | 0, 25 |
| - Tháng 7/1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN. | 0, 25 |
| - Tháng 4/1999, Cam-pu-chia được kết nạp vào ASEAN và trở thành thành viên thứ 10 của tổ chức này. | 0, 25 |
| ***Ý nghĩa của việc mở rộng tổ chức*** |  |
|  - Việc mở rộng thành viên thể hiện quá trình phát triển mạnh mẽ của ASEAN trên phương diện tổ chức: Lần đầu tiên trong lịch sử khu vực, 10 nước Đông Nam Á đều cùng đứng trong một tổ chức thống nhất.  | 0,5 |
| - Chứng tỏ ASEAN từng bước thực hiện các mục tiêu của Hiệp ước Bali (1976). | 0,5 |
| - Tạo điều kiện để ASEAN chuyển trọng tâm hoạt động sang hợp tác kinh tế đồng thời xây dựng một khu vực Đông Nam Á hòa bình, ổn định để cùng phát triển phồn vinh. | 0,5 |
| Cùng với mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác thì việc mở rộng thành viên gần tuyệt đối là cơ sở để ASEAN hướng tới hình thành cộng đồng ASEAN. | 0.5 |
| ***Thuận lợi khi Việt Nam gia nhập ASEAN*** |  |
|  - Tạo điều kiện cho Việt Nam hòa nhập vào cộng đồng khu vực và thị trường Đông Nam Á. | 0,25 |
| - Mở ra cơ hội để Việt Nam thu hút vốn đầu tư, giao lưu học hỏi, tiếp thu khoa học kĩ thuật, công nghệ và áp dụng vào sản xuất để rút ngắn khoảng cách với các nước trong khu vực và thế giới. | 0,5 |
| - Tạo điều kiện để Việt Nam tiếp thu tinh hoa văn hóa của các quốc gia trong khu vực nhằm xây dựng nền văn hóa đa dạng, phong phú, đậm bản sắc dân tộc. | 0,25 |
| ***Khó khăn khi Việt Nam gia nhập ASEAN*** |  |
| - Do khoảng cách kinh tế giữa Việt Nam và các nước trong tổ chức còn chênh lệch nên Việt Nam sẽ chịu sự cạnh tranh quyết liệt về kinh tế. | 0,25 |
| - Việt Nam phải đối mặt với sự bất ổn về chính trị của một số nước trong khu vực như Thái Lan, Phi-lip-pin...  | 0,25 |
| - Việt Nam gặp khó khăn trong việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc khi gia nhập ASEAN.... | 0,25 |
| **Câu 5** |  **Chứng minh: Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ đã vươn lên trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất và theo đuổi mưu đồ bá chủ thế giới, nhưng Mĩ cũng vấp phải nhiều thất bại nặng nề.**  **Những chuyển biến tích cực trong quan hệ giữa Mĩ và Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay.** | **6 điểm** |
| ***Mĩ trở thành nước tư bản giàu mạnh nhất*** |  |
| - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ vươn lên trở thành nước giàu mạnh nhất trong thế giới tư bản, chiếm ưu thế tuyệt đối về mọi mặt, là trung tâm kinh tế, tài chính lớn nhất thế giới. | 0,5 |
| - Công nghiệp: Mĩ chiếm hơn một nửa sản lượng công nghiệp toàn thế giới (56,47% - 1948). | 0,25 |
| - Từ 1945 – 1950, sản lượng nông nghiệp của Mĩ gấp 2 lần sản lượng nông nghiệp của 5 nước Anh, Pháp, Tây Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản cộng lại. | 0,25 |
| - Từ 1945 – 1950, Mĩ nắm ¾ trữ lượng vàng của thế giới (24,6 tỉ USD), là chủ nợ duy nhất trên thế giới. | 0,25 |
| - Về quân sự: Mĩ có lực lượng quân sự mạnh nhất thế giới tư bản và độc quyền về vũ khí nguyên tử. | 0,25 |
| ***Theo đuổi tham vọng bá chủ thế giới*** |  |
| - Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, giới cầm quyền Mĩ đề ra “Chiến lược toàn cầu” nhằm chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc và thiết lập sự thống trị trên toàn thế giới.  | 0,5 |
| - Mĩ “viện trợ” để lôi kéo, khống chế các nước đồng minh, thiết lập các khối quân sự.  | 0,5 |
| - Gây ra các cuộc chiến tranh xâm lược như chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam… | 0,5 |
| - Dựa vào sự tăng trưởng kinh tế liên tục trong 10 năm (1991-2000) và sự vượt trội về các mặt khoa học - kĩ thuật, quân sự, giới cầm quyền Mĩ ráo riết tiến hành nhiều chính sách, biện pháp để xác lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ hoàn toàn chi phối và khống chế. | 0,5 |
| ***Mĩ thất bại nặng nề*** |  |
| - Mĩ thất bại nặng nề trong việc can thiệp vào Trung Quốc (1945-1946), Cu Ba (1959-1960), chiến tranh xâm lược Việt Nam (1954-1975). | 0,5 |
| - Trong cuộc chạy đua để xác lập trật tự thế giới “đơn cực” do Mĩ đứng đầu, giới cầm quyền Mĩ liên tục vấp phải sự phản đối của các nước đồng minh, của nhân loại yêu chuộng hòa bình trên thế giới, khiến Mĩ không dễ dàng thực hiện tham vọng của mình. | 0,5 |
| ***Quan hệ Mĩ và Việt Nam từ sau năm 1975 đến nay*** |  |
| - Sau năm 1975, Mĩ thực hiện chính sách cấm vận Việt Nam, ngăn cản các hoạt động giúp đỡ của quốc tế đối với Việt Nam.Đến tháng 7/1995, Mĩ tuyên bố chính thức bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam. | 0,5 |
| - Hiện nay, Mĩ và Việt Nam kí nhiều Hiệp định thương mại song phương, giá trị thương mại hai chiều ngày càng tăng.  | 0,5 |
| - Mĩ thường xuyên viện trợ nhân đạo, hỗ trợ Việt Nam khắc phục hậu quả chiến tranh. Việt Nam tích cực giúp đỡ Mĩ tìm kiếm nhân thân, hài cốt binh sĩ Mĩ mất tích trong chiến tranh Việt Nam. | 0,5 |
| **Câu 6** | **Làm sáng tỏ nhận định: “Trải qua nửa thế kỉ, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đã đạt được những tiến bộ phi thường và những thành tựu kì diệu trên tất cả các lĩnh vực”. Tác động của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật đến Việt Nam.** | **4 điểm** |
| - Từ những năm 40 của thế kỷ XX, cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật đã đạt được nhiều thành tựu trên nhiều lĩnh vực. | 0,25 |
| - Con người đã có những phát minh to lớn trong lĩnh vực khoa học cơ bản như Toán, Vật lí, Hóa, Sinh, được ứng dụng vào sản xuất phục vụ cuộc sống. | 0,25 |
| - Con người đã phát minh ra nguồn năng lượng mới như năng lượng nguyên tử, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều… để thay thế dần các nguồn năng lượng đang cạn kiệt. | 0,25 |
| - Phát minh ra công cụ sản xuất mới như máy tính điện tử, máy tự động và hệ thống máy tự động… | 0,25 |
| - Sáng chế ra những vật liệu mới, đặc biệt là chất Pô-li-me với độ bền và giá trị sử dụng cao trong nhiều lĩnh vực của đời sống… | 0,25 |
| - Áp dụng cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, tăng năng xuất lao động và thu hoạch cây trồng, khắc phục dần nạn thiếu lương thực và đói ăn kéo dài ở nhiều nước. | 0,25 |
| - Đạt được những tiến bộ vượt bậc trong lĩnh vực giao thông vận tải và thông tin liên lạc như chế tạo ra máy bay siêu âm khổng lồ, tàu hỏa cao tốc, hệ thống vệ tinh nhân tạo… | 0,25 |
| - Đã có những khám phá mới với những thành tựu kì diệu trong lĩnh vực chinh phục vũ trụ như đưa người lên mặt trăng, phóng tàu vũ trụ, tàu con thoi… | 0,25 |
| ***Tác động đến Việt Nam*** |  |
|  - Cách mạng khoa học - kĩ thuật tạo bước nhảy vọt chưa từng thấy về sản xuất và năng suất lao động, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân Việt Nam. | 0,5 |
| - Đưa tới những thay đổi lớn trong cơ cấu dân cư lao động với xu hướng tỉ lệ dân cư trong lao động nông nghiệp và công nhiệp giảm dần, tỉ lệ dân cư trong nghành dịch vụ tăng lên. | 0,5 |
| - Sự giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật của Việt Nam ngày càng được quốc tế hóa cao. Tạo cơ hội để Việt Nam rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển. | 0,5 |
| - Tuy nhiên, nó cũng mang lại những hậu quả tiêu cực như nạn ô nhiễm môi trường, tai nạn giao thông, dịch bệnh mới cùng những đe dọa về an ninh, đạo đức xã hội đối với con người. Đặt Việt Nam trước nguy cơ tụt hậu về kinh tế nếu không bắt kịp những thành tựu khoa học - kĩ thuật. | 0,5 |